TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2025

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thanh Vân**

Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

***- Thư ký phiên toà*:** Bà **Nguyễn Thị Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thúy T,** sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Đỗ Anh T1**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Tại phiên tòa, chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trịnh Thúy T trình bày: Chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1

xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị T đã cố gắng hàn gắn tình cảm với anh T1 nhưng không được, đến nay chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh T1 nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị Trịnh Thúy T xác định có 02 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Trường S, sinh ngày 26/3/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu giao cả hai con chung cho anh Đỗ Anh T1 nuôi dưỡng. Chị Trịnh Thúy T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thúy T xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trịnh Thúy T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Thịnh Thúy T2 không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn anh Đỗ Anh T1 trình bày: Vợ chồng anh Đỗ Anh T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn nhỏ, do anh có đi nhậu, đánh bi da nên mâu thuẫn, anh T1 có yêu cầu chị T3 không chơi với người cháu đã bỏ chồng nhưng chị T3 không nghe mà kiếm chuyện bỏ đi, rồi làm đơn ly hôn. Anh T1 xác định còn yêu thương chị T2 nên anh T1 không đồng ý ly hôn, anh T1 muốn có thời gian để vợ chồng suy nghĩ, thông cảm cho nhau và chị T2 quay về chung sống để cùng lo cho con.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Trường S, sinh ngày 26/3/2015. Khi ly hôn chị T2 yêu cầu giao cả hai con chung cho anh Đỗ Anh T1 nuôi dưỡng thì anh T1 đồng ý. Anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Tuấn xác định anh chị đã tự thỏa thuận, chị T2 giao hết tài sản cho anh nuôi con nên anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh T1 không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 vắng mặt. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thúy T cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Anh T1, giao 02 con chung cho anh T1 nuôi dưỡng. Các vấn đề khác chị T không yêu cầu giải quyết.

Còn anh Đỗ Anh T1 mong chị T suy nghĩ lại quay về đoàn tụ gia đình nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Anh T1 đồng ý nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác anh T1 không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thúy T. Xử cho chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 được ly hôn. Giao 02 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Trường S, sinh ngày 26/3/2015 cho anh Đỗ Anh T1 có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Trịnh Thúy T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/01/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thúy T xác định quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 không lo làm ăn mà thường ham

chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đến nay chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, chị T không còn tình cảm với anh T1 nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Còn anh T1 xác quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn do anh có đi nhậu, đi chơi nhưng không thường xuyên như chị T khai, mà nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị T ngoại tình nên muốn bỏ anh T1, đến nay anh T1 xác định vẫn thương yêu vợ con nên anh T1 không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị T và anh T1 chung sống với nhau anh chị có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm và anh chị cũng không thông cảm, chia sẽ những khó khăn với nhau trong cuộc sống. Đến nay chị T xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T1 được nữa nên chị T cương quyết ly hôn, còn anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và anh T1 xác định hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết tài sản để anh T1 nuôi con. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã động viên hòa giải cho anh chị nhưng chị T cương quyết ly hôn nên anh T1 cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh T1 được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 có 02 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Trường S, sinh ngày 26/3/2015. Tại phiên tòa, chị Trịnh Thúy T yêu cầu giao cả hai con chung cho anh T1 nuôi dưỡng, anh T1 đồng ý nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay 02 con anh chị đã trên 07 tuổi, các con trình bày nguyện vọng được sống với bố khi bố mẹ ly hôn và lâu nay các con cũng ở với anh T1 ổn định. Vì vậy, để tránh xáo trộn tâm sinh lý cũng như chỗ ở của các con, cần giao cả hai con chung cho anh T1 nuôi dưỡng theo sự thỏa thuận của hai bên. Nếu sau này chị T ổn định cuộc sống, đảm bảo điều kiện nuôi con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh T1 xác định không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 xác định anh chị có tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 xác định không có, anh chị không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thúy T, xử cho chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Đỗ Trường G, sinh ngày 26/10/2011 và Đỗ Trường S, sinh ngày 26/3/2015 cho anh Đỗ Anh T1 có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Chị Trịnh Thúy T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thúy T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trịnh Thúy T đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005515 ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà (nay là Phòng

Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng). Chị Trịnh Thúy T đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2025) chị Trịnh Thúy T và anh Đỗ Anh T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lâm Đồng;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trịnh Đoàn Hạnh Trang